

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/DS-ST

Ngày: 24-4-2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và thực hiện N vụ tài sản do người chết để lại”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Thanh Tuyền

Bà Nguyễn Thị Ngọc Phượng

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và thực hiện N vụ tài sản do người chết để lại” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng N.

Trụ sở: Số 02, đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Đại diện theo ủy quyền ký đơn khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T – Giám đốc N hàng N – chi nhánh huyện Giồng Trôm.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Hoài V – Phó Giám đốc N hàng N – chi nhánh huyện Giồng Trôm.

Địa chỉ: ấp B, xã B1, huyện G, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, N vụ liên quan:

- Ông Phạm Trung K, sinh năm 1974.

- Bà Trần Thị Cẩm T1, sinh năm 1985.

- Chị Tống Thiều N, sinh năm 1992.

- Chị Tống Kim H, sinh năm 1995.

- Chị Tổng Ý L, sinh năm 2003.

Cùng địa chỉ: Ấp 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật của chị Tổng Ý L: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Ông Phạm Trung K ủy quyền cho bà Phạm Thị T tham gia tố tụng (Văn bản ủy quyền ngày 02/3/2020).

(Ông V, bà Hà có mặt; bà T1, chị N, chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn N hàng N là ông Phạm Hoài V trình bày:

Vào ngày 24/5/2013, ông Tổng Viết N và bà Phạm Thị T có vay của N hàng N – chi nhánh huyện Giồng Trôm số tiền 250.000.000 đồng thể hiện tại Hợp đồng tín dụng số 193.2013/HĐTD ngày 24/05/2013, mục đích vay: sửa nhà ở, giải N ngày 28/5/2013, thời hạn vay 36 tháng, kỳ hạn trả nợ: 03 kỳ, kỳ 1 trả 80.000.000 đồng, kỳ 2 trả 80.000.000 đồng và kỳ 3 trả 90.000.000 đồng, ngày trả cuối cùng là 15/5/2016, lãi suất là 13%/năm lãi suất thả nổi, lãi suất vay quá hạn bằng 150% với lãi suất đã thỏa thuận. Sau khi ký hợp đồng tín dụng N hàng đã giải N toàn bộ số tiền cho vay cho ông N và bà Hà.

Khoản vay trên được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 193.2013/HĐTC ngày 24/5/2013, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ số 33, diện tích 1.278,8m² và thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33, diện tích 133,3m² do bà Phạm Thị T, ông Tổng Viết N đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm thực hiện N vụ của người khác số 193.2013A/HĐTC ngày 24/5/2013, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đối với thửa đất số 77, tờ bản đồ số 33, diện tích 2.473,3m² do ông Phạm Trung K và bà Trần Thị Cẩm T1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất;

Đến kỳ hạn trả nợ ngày 15/5/2015, số tiền gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh thì ông N và bà Hà không trả nợ đúng thời gian cho N hàng.

Đến kỳ hạn trả nợ ngày 15/5/2016, số tiền gốc là 90.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh thì ông N và bà Hà không trả nợ đúng thời gian cho Ngân hàng.

N hàng đã nhiều lần yêu cầu ông N và bà Hà thực hiện thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng được thể hiện tại các thông báo nợ quá hạn và biên bản xử lý nợ nhưng vẫn không thu hồi được nợ. Hiện tại ông N đã chết nên N hàng khởi kiện yêu cầu bà Hà cùng những người kế thừa quyền và N vụ của ông N đồng thời là những người đang quản lý sử dụng di sản của tiếp tục N vụ trả nợ cho ông N. Tại đơn khởi kiện, N hàng yêu cầu trả nợ số tiền tính đến ngày 25/10/2019 là 172.728.106 đồng bao gồm: tiền gốc là 96.250.000 đồng và tiền lãi là 76.478.759 đồng nhưng qua quá trình khởi kiện, phía bà Hà đã trả nợ gốc là 10.000.000 đồng nên nay N hàng yêu cầu bà Hà, chị N, chị H trả số tiền tính đến ngày 24/4/2020 là 168.797.507 đồng, bao gồm: tiền gốc là 86.250.000 đồng tiền lãi là 82.547.507 đồng. Trường hợp không thực hiện N vụ trả nợ thì N hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên đấu giá các tài sản thế chấp để đảm bảo

thi hành án theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã ký vào ngày 24/5/2013.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Ông Tống Viết N và bà Phạm Thị T có vay của N hàng N số tiền 250.000.000 đồng, các kỳ trả nợ, lãi suất thời hạn vay như N hàng đã trình bày. Để đảm bảo khoản nợ vay trên thì gia đình bà có thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 74, tờ bản đồ số 33, diện tích 1.278,8m² và thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33, diện tích 133,3m² tọa lạc tại thị trấn Giồng Trôm do ông N và bà Hà đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hợp đồng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 193.2013/HĐTC ngày 24/5/2013 và thế chấp thửa đất số 77, tờ bản đồ số 33, diện tích 2.473,3m² tọa lạc tại thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm do ông Phạm Trung K và bà Trần Thị Cẩm T1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm việc thực hiện N vụ của người khác số 193.2013A/HĐTC ngày 24/5/2013. Trong quá trình vay tiền thì ông N bị tai nạn và chết vào tháng 12/2015, nên bà gặp khó khăn và ngưng không thực hiện N vụ trả nợ nữa. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông N gồm có bà Hà (vợ ông N) và ba người con là chị N, chị H và chị L. Đến tháng 12/2019 và tháng 02/2020 thì bà có trả cho N hàng số tiền gốc là 10.000.000 đồng. Đây là nợ chung của bà và ông N. Nay ông N đã chết, bà đồng ý tiếp tục trả ½ phần nợ thuộc về bà, bà và các con cùng trả ½ phần nợ thuộc về ông N. Các con của bà bận đi làm nên không đến Tòa được.

Nay bà Hà và các con đồng ý trả cho N hàng số nợ gốc là 86.250000 đồng như N hàng yêu cầu nhưng bà xin trả dần mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên và xin N hàng giảm tiền lãi cho bà vì hoàn cảnh gia đình bà đang gặp khó khăn.

Ông Phạm Trung K ủy quyền cho bà cũng đồng ý với yêu cầu của N hàng, nếu bà Hà và các con bà Hà không trả nợ thì ông và vợ là bà T1 đồng ý giao tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Người có quyền lợi N vụ liên quan bà Trần Thị Cẩm T1, chị Tống Thiếu N, chị Tống Kim H vắng mặt trong các lần hòa giải và phiên tòa, cũng không có gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên trong hồ sơ không có lời trình bày của bà T1, chị N, chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị T, chị Tống Thiếu N, chị Tống Kim H trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký ngày 24/5/2013. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bà Trần Thị Cẩm T1, chị Tổng Thiều N, chị Tổng Kim H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T1, chị N, chị H là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Theo hợp đồng tín dụng số 193.2013/HĐTD ngày 24/05/2013 thể hiện ông Tổng Viết N và bà Phạm Thị T có vay của Ngân hàng N – chi nhánh huyện Giồng Trôm số tiền 250.000.000 đồng, mục đích vay: sửa nhà ở, giải N ngày 28/5/2013, thời hạn vay 36 tháng, kỳ hạn trả nợ: 03 kỳ, kỳ 1 trả 80.000.000 đồng, kỳ 2 trả 80.000.000 đồng và kỳ 3 trả 90.000.000 đồng, ngày trả cuối cùng là 15/5/2016, lãi suất là 13%/năm lãi suất thả nổi, lãi suất vay quá hạn bằng 150% với lãi suất đã thỏa thuận. Hợp đồng trên được đảm bảo bằng tài sản là:

- Thửa đất số 74, tờ bản đồ số 33, diện tích 1.278,8m², đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp 6, thị trấn Giồng Trôm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 564995 do Ủy ban nhân dân huyện Giồng Trôm cấp cho ông Tổng Viết N và bà Phạm Thị T vào ngày 14/6/2010.

- Thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33, diện tích 1.33,3m², đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp 6, thị trấn Giồng Trôm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 556109 do Ủy ban nhân dân huyện Giồng Trôm cấp cho ông Tổng Viết N và bà Phạm Thị T vào ngày 07/5/2010.

- Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 33, diện tích 2.473,3m², đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp 6, thị trấn Giồng Trôm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 564998 do Ủy ban nhân dân huyện Giồng Trôm cấp cho ông Phạm Trung K và bà Trần Thị Cẩm T1 vào ngày 14/6/2010.

Ông N và bà Hà đã nhận đủ số tiền giải N là 250.000.000 đồng theo hợp đồng đã ký kết. Theo thỏa thuận thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải N (28/5/2013), kỳ hạn trả nợ: 03 kỳ, kỳ 1 trả 80.000.000 đồng, kỳ 2 trả 80.000.000 đồng và kỳ 3 trả 90.000.000 đồng, ngày trả cuối cùng là 15/5/2016, lãi suất là 13%/năm lãi suất thả nổi, lãi suất vay quá hạn bằng 150% với lãi suất đã thỏa thuận. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông N và bà Hà đã trả số tiền gốc là 153.750.000 đồng. Hiện nay ông bà còn nợ N hàng số tiền gốc là 86.250.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 24/4/2020 là 82.547.507 đồng (lãi trong hạn 58.745.797 đồng, lãi quá hạn 82.547.507 đồng), tổng cộng lãi và gốc là 168.797.507 đồng. Ông Tổng Viết N chết vào ngày 01/12/2015 không để lại di chúc, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông N gồm có bà Phạm Thị T, chị Tổng Thiều N, chị Tổng Kim H, chị Tổng Ý L, đang trực tiếp quản lý sử dụng tài sản thế chấp mà ông N và bà Hà đang thế chấp cho N hàng (thửa 70 và thửa 74). Di sản do ông N chết để lại chưa được chia, do đó N vụ tài sản do ông N để lại do những người quản lý di sản thực hiện trong phạm vi di sản do ông N để lại. Việc thế chấp tài sản được lập thành văn bản, có công chứng chứng thực đúng theo quy định. Ông N và bà Hà đã vi phạm N vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký nên N hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ là có căn cứ. Phần nợ chung của bà Hà và ông N tính đến ngày 24/4/2020 là 168.797.507 đồng. Do đó, Bà Hà có N vụ tiếp tục trả ½ số nợ thuộc phần của bà Hà là 84.398.753 đồng, trong đó tiền gốc là 43.125.000 đồng, tiền lãi là 41.373.753 đồng. Bà Hà cùng chị

N, chị H có N vụ liên đới trả $\frac{1}{2}$ số nợ chung thuộc về phần ông N là 84.398.753 đồng, trong đó tiền gốc là 43.125.000 đồng, tiền lãi là 41.373.753 đồng.

Tại Tòa bà Hà xin trả dần mỗi tháng là 5.000.000 đồng và xin Ngân hàng giảm lãi cho bà. Yêu cầu này của bà Hà không được nguyên đơn đồng ý, giữa hai bên không có thỏa thuận mới nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến này của bà Hà.

Trường hợp người có N vụ trả nợ không thực hiện việc trả nợ hoặc không thực hiện trả nợ đầy đủ thì N hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ.

[3] Về án phí: Bà Phạm Thị T có N vụ nộp số tiền án phí là 84.398.753 đồng x 5% = 4.219.937 (bốn triệu hai trăm mười chín nghìn chín trăm ba mươi bảy) đồng. Bà Phạm Thị T, chị Tống Thiệu N, chị Tống Kim H phải liên đới nộp tạm ứng án phí 84.398.753 đồng x 5% = 4.219.937 (bốn triệu hai trăm mười chín nghìn chín trăm ba mươi bảy) đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 343, 351, 355, 637, 640, 645, 683 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với bị đơn bà Phạm Thị T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng và thực hiện N vụ tài sản do người chết để lại.

Buộc bà Phạm Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N (do Ngân hàng N - chi nhánh huyện Giồng Trôm nhận) số tiền 84.398.753 (tám mươi bốn triệu ba trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi ba) đồng, trong đó nợ gốc là 43.125.000 (bốn mươi ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng, lãi là 41.273.753 (bốn mươi một triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi ba) đồng.

Buộc bà Phạm Thị T, chị Tống Thiệu N, chị Tống Kim H có trách nhiệm liên đới trả cho N hàng N (do N hàng N - chi nhánh huyện Giồng Trôm nhận) số tiền 84.398.753 (tám mươi bốn triệu ba trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi ba) đồng, trong đó nợ gốc là 43.125.000 (bốn mươi ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng, lãi là 41.273.753 (bốn mươi một triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi ba) đồng.

Bà Phạm Thị T, chị Tống Thiệu N, chị Tống Kim H còn phải tiếp tục trả lãi phát

sinh trên dư nợ gốc kể từ ngày 25/4/2020 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 193.2013/HĐTD ngày 24/05/2013 cho đến khi trả tất nợ.

Trường hợp bà Phạm Thị T, chị Tống Thiệu N, chị Tống Kim H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ N vụ trả nợ thì Ngân hàng N - chi nhánh huyện Giồng Trôm được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 193.2013/HĐTC ngày 24/5/2013 và hợp đồng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo việc thực hiện N vụ của người khác số 193.2013A/HĐTC ngày 24/5/2013, cụ thể tài sản thế chấp là:

- Thừa đất số 74, tờ bản đồ số 33, diện tích 1.278,8m², đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp 6, thị trấn Giồng Trôm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 564995 do Ủy ban nhân dân huyện Giồng Trôm cấp cho ông Tống Việt N và bà Phạm Thị T vào ngày 14/6/2010.

- Thừa đất số 70, tờ bản đồ số 33, diện tích 1.33,3m², đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp 6, thị trấn Giồng Trôm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 556109 do Ủy ban nhân dân huyện Giồng Trôm cấp cho ông Tống Việt N và bà Phạm Thị T vào ngày 07/5/2010.

- Thừa đất số 77, tờ bản đồ số 33, diện tích 2.473,3m², đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp 6, thị trấn Giồng Trôm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 564998 do Ủy ban nhân dân huyện Giồng Trôm cấp cho ông Phạm Trung K và bà Trần Thị Cẩm T1 vào ngày 14/6/2010.

[3] Về án phí:

- Buộc bà Phạm Thị T phải nộp số tiền án phí là 4.219.937 (bốn triệu hai trăm mười chín nghìn chín trăm ba mươi bảy) đồng.

- Buộc bà Phạm Thị T, chị Tống Thiệu N, chị Tống Kim H có N vụ liên đới nộp số tiền án phí 4.219.937 (bốn triệu hai trăm mười chín nghìn chín trăm ba mươi bảy) đồng.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng N - chi nhánh huyện Giồng Trôm số tiền 4.318.000 (bốn triệu ba trăm mười tám nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010193 ngày 09/01/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

[4] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (là ngày 24/4/2020), các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan